

Số: 11/GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang;

Căn cứ Văn bản số 5141/UBND-KT ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chủ trương khai thác đất làm vật liệu san lấp cho Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang;

Xét Đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc (địa chỉ: số nhà 42A, đường Trần Nhân Tông, tổ 18, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang) nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 108/TTr-STNMT ngày 17/3/2022 về việc đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp cho Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang, tại thôn 7, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc được khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp cho Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 11.300 m² (1,13 ha), được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 20 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 (Phụ lục số 2) kèm theo Giấy phép này.

2. Độ cao khai thác: Từ mức + 00,0 m xuống đến mức + 12,0 m.

3. Trữ lượng

Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác là 120.477 m³.

4. Thân khoáng: Dạng khối.

5. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

6. Công suất được phép khai thác: 80.000 m³.

- Năm thứ nhất: 80.000 m³.

- Năm thứ hai: 40.477 m³.

7. Thời hạn khai thác: 2,0 (hai) năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

Sử dụng đúng phương tiện, thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản đã được Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định; nộp bản đăng ký thiết bị khai thác, chế biến, vận chuyển khoáng sản (*có kèm theo hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của từng loại thiết bị, phương tiện khai thác, vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp*) cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành khai thác.

4. Trước khi tiến hành khai thác phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương để kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được cấp phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành. Phải lắp camera theo quy định, việc xuất hàng phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp; cấp hàng vận chuyển phải đúng tải trọng cho phép không làm ảnh hưởng đến môi trường, cấp đường giao thông.

8. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Thiết kế mỏ đã được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV Đông Bắc (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- UBND thành phố Tuyên Quang (bản sao);
- UBND huyện Yên Sơn (bản sao);
- Ban QLDADTXDCCT giao thông tỉnh (bản sao);
- Công an tỉnh (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP
CHO DỰ ÁN ĐƯỜNG TRỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ THÀNH PHỐ TUYẾN
QUANG ĐI TRUNG TÂM HUYỆN YÊN SƠN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 11/GP-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trực 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	²⁴ 15.607,50	⁴¹ 3.554,87
2	²⁴ 15.599,94	⁴¹ 3.564,98
3	²⁴ 15.606,57	⁴¹ 3.575,01
4	²⁴ 15.599,99	⁴¹ 3.593,61
5	²⁴ 15.573,56	⁴¹ 3.634,48
6	²⁴ 15.548,26	⁴¹ 3.661,81
7	²⁴ 15.530,92	⁴¹ 3.716,50
8	²⁴ 15.5516,39	⁴¹ 3.707,63
9	²⁴ 15.537,87	⁴¹ 3.657,31
10	²⁴ 15.560,70	⁴¹ 3.631,33
11	²⁴ 15.594,11	⁴¹ 3.572,27
12	²⁴ 15.574,27	⁴¹ 3.553,73
13	²⁴ 15.5536,68	⁴¹ 3.580,01
14	²⁴ 15.486,30	⁴¹ 3.566,89
15	²⁴ 15.451,84	⁴¹ 3.567,27
16	²⁴ 15.416,53	⁴¹ 3.556,39
17	²⁴ 15.430,11	⁴¹ 3.526,47
18	²⁴ 15.460,79	⁴¹ 3.525,50
19	²⁴ 15.461,03	⁴¹ 3.495,81
20	²⁴ 15.502,04	⁴¹ 3.495,49
Diện tích: 1,13 ha		